

Số: 1909/CV/HVC/2021

V/v: Giải trình số liệu BCTC Quý I
năm 2021

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Về việc công bố báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2021 của Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC giải trình số liệu như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý I/2021 của Công ty giảm 4 tỷ so với cùng kỳ năm 2020 tương ứng với tỷ lệ 6,61%. Doanh thu sụt giảm 6,61% so với cùng kỳ năm 2020 tuy nhiên lợi nhuận sau thuế Quý I/2021 của Công ty thay đổi không đáng kể so với cùng kỳ năm 2020 cho thấy hiệu quả trong việc áp dụng các quy trình quản lý chi phí giúp Công ty tối đa hóa lợi nhuận.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý I năm 2021 của Công ty giảm hơn 889 triệu tương ứng với tỷ lệ 18,54% so với Quý I năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý I năm 2021 của Công ty giảm hơn 10 tỷ tương ứng với tỷ lệ 12,38% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể ở đây là do tình hình dịch Ncod-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến tiến độ nghiệm thu các công trình, các hợp đồng với các chủ đầu tư.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu; Hành chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I/2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		309.886.934.177	242.780.771.281
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	71.094.229.473	5.182.296.893
Tiền	111		71.094.229.473	4.772.296.893
Các khoản tương đương tiền	112		-	410.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	14.800.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	14.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.234.506.707	162.212.332.969
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	129.797.015.604	120.813.226.766
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	31.166.904.454	30.497.068.633
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	13.903.447.633	15.534.898.554
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(4.632.860.984)	(4.632.860.984)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		64.906.302.716	56.855.692.787
Hàng tồn kho	141	5.7	64.906.302.716	56.855.692.787
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.651.895.281	3.730.448.632
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	15.791.667
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.647.999.215	3.603.265.642
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.896.066	111.391.323
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261.671.958.203	226.556.465.555
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	92.400.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	92.400.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		60.148.019.460	61.084.345.284
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	60.148.019.460	61.084.345.284
- Nguyên giá	222		71.425.409.035	71.425.409.035
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.277.389.575)	(10.341.063.751)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		81.329.927.364	45.030.767.364
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.10	81.329.927.364	45.030.767.364
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		119.820.000.000	119.820.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	119.820.000.000	119.820.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		374.011.379	528.952.907
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	374.011.379	528.952.907
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-

TỔNG CỘNG TÀI SẢN**270****571.558.892.380****469.337.236.836**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		100.338.034.584	152.067.298.781
Nợ ngắn hạn	310		100.338.034.584	152.067.298.781
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	32.027.592.446	58.446.452.188
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	14.981.682.251	19.325.048.007
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.207.854.054	4.823.215.682
Phải trả người lao động	314		3.052.982.709	3.331.258.615
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	98.666.667	116.166.667
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.963.441.527	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	7.650.612.767	7.390.627
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	33.028.930.848	65.691.495.680
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	326.271.315	326.271.315
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		471.220.857.796	317.269.938.055
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	471.220.857.796	317.269.938.055
Vốn góp của chủ sở hữu	411		369.499.950.000	219.499.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		369.499.950.000	219.499.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.390.693.200)	(4.390.693.200)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.030.405.608	85.179.864.420
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		85.179.864.420	62.777.000.332
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.850.541.188	22.402.864.088
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.081.195.388	16.980.816.835
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		571.558.892.380	469.337.236.836

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Ngà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
			Năm 2021	Năm 2020		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	70.956.344.602	80.985.860.627	70.956.344.602	80.985.860.627
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	70.956.344.602	80.985.860.627	70.956.344.602	80.985.860.627
Giá vốn hàng bán	11	6.2	55.760.274.781	67.177.531.437	55.760.274.781	67.177.531.437
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.196.069.821	13.808.329.190	15.196.069.821	13.808.329.190
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	496.333.615	356.119.591	496.333.615	356.119.591
Chi phí tài chính	22	6.4	1.081.379.554	-	1.081.379.554	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.081.379.554</i>	<i>-</i>	<i>1.081.379.554</i>	<i>-</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	1.684.520.702	374.941.032	1.684.520.702	374.941.032
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.887.115.541	7.812.620.522	7.887.115.541	7.812.620.522
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.039.387.639	5.976.887.227	5.039.387.639	5.976.887.227
Thu nhập khác	31	6.7	819.545	86.872.926	819.545	86.872.926
Chi phí khác	32	6.8	13.364.017	1.311.471	13.364.017	1.311.471
Lợi nhuận khác	40		(12.544.472)	85.561.455	(12.544.472)	85.561.455
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.026.843.167	6.062.448.682	5.026.843.167	6.062.448.682
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	1.075.923.426	1.373.676.463	1.075.923.426	1.373.676.463
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.10	-	(161.186.727)	-	(161.186.727)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.950.919.741	4.849.958.945	3.950.919.741	4.849.958.945
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		3.850.541.188	4.619.512.337	3.850.541.188	4.619.512.337
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		100.378.553	230.446.608	100.378.553	230.446.608

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2021

Đơn vị: VND

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	171	237	171	237
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		171	237	171	237

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Ngà



Đỗ Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2021

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Quý I Năm 2021	Quý I Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.026.843.167	6.062.448.682
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	936.325.824	965.629.350
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.451.875)	(356.119.591)
- Chi phí lãi vay	06	1.078.906.754	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.031.623.870	6.671.958.441
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(848.405.388)	20.047.544.225
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.050.609.929)	(23.893.659.269)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.877.999.210)	20.196.842.674
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	170.733.195	241.540.631
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	15.520.231.455
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.078.906.754)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.289.883.002)	(9.064.904.702)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(28.943.447.218)	35.719.553.455
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(37.292.507.245)	(4.450.000.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.800.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(71.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.451.875	356.119.591
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.482.055.370)	(75.493.880.409)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2021

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Quý I Năm 2021	Quý I Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	150.000.000.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	85.033.942.951	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(117.696.507.783)	(8.000.000)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(9.262.806.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	117.337.435.168	(9.270.806.750)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.182.296.893	76.683.297.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	71.094.229.473	27.638.163.657

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Ngà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 21 (lần gần nhất) ngày 25 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2021 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty

Trong đó:

Số lượng báo cáo công ty con được hợp nhất: 03 (ba) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	84,86%	84,86%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	Tầng 8, tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	95,00%	95,00%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”); Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park (“Công ty con”) (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 – 06 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 75% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 25% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	8.133.122.637	331.665.754
Tiền gửi ngân hàng	62.961.106.836	4.440.631.139
Các khoản tương đương tiền	-	410.000.000
Cộng	71.094.229.473	5.182.296.893

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2021		01/01/2021	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	14.800.000.000	14.800.000.000
Cộng	-	-	14.800.000.000	14.800.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	129.797.015.604	120.813.226.766
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm	55.645.172.556	66.142.363.639
- Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	3.284.925.961	4.124.593.884
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	9.600.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	11.042.431.765	6.980.611.464
- Công ty Cổ phần Muchentec Việt Nam	6.281.605.000	10.734.535.299
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Vinpearl	3.940.500.978	3.903.729.792
- Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	2.581.835.426	2.581.835.426
- Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp OLYMPIA	1.091.579.055	2.091.579.055
- Các khách hàng khác	36.328.964.863	14.653.978.207
Cộng	129.797.015.604	120.813.226.766

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

5.4 Trả trước cho người bán

	31/03/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Công ty Cổ phần Bể bơi Thông minh Spool	23.250.111.713	24.321.956.885
- Công ty TNHH DV TM và XD Bảo An	889.569.439	2.290.000.000
- Công ty CP Bateco Việt Nam	1.754.559.347	-
- Các nhà cung cấp khác	5.272.663.955	3.885.111.748
Cộng	31.166.904.454	30.497.068.633

5.5 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/03/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	10.169.972.237	-	1.558.855.121	-
Bảo hiểm xã hội phải thu	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	735.891.652	-	11.096.878.940	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.402.352	-	3.402.352	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	393.789.300	-	10.489.322.963	-
- Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	-	-	237.973.215	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	338.700.000	-	366.180.410	-
Phải thu khác	2.997.583.744	-	2.879.164.493	-
- Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	445.568.493	-
- Kết Chuyển tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD cho UBND huyện Khoái Châu	2.433.596.000	-	2.433.596.000	-
- Phải thu khác	563.987.744	-	-	-
Cộng	13.903.447.633	-	15.534.898.554	-

b. Phải thu dài hạn khác

	31/03/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	92.400.000	-
Cộng	-	-	92.400.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

5.6 Nợ xấu

	31/03/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	10.312.860.984	5.680.000.000	10.312.860.984	5.680.000.000
Từ 03 năm trở lên	712.860.984	-	712.860.984	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.092	-	154.253.092	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	-	74.760.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	-	75.637.210	-
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	-	13.975.400	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	79.437.673	-	79.437.673	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	31.997.609	-	31.997.609	-
Từ 02 đến dưới 03 năm	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	-	-	-	-
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	-	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	-	-	-	-
Từ 01 đến dưới 02 năm	9.600.000.000	5.680.000.000	9.600.000.000	5.680.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	5.680.000.000	9.600.000.000	5.680.000.000

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/03/2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Số đầu năm	4.632.860.984	652.546.615
Trích lập dự phòng trong năm	-	3.980.314.369
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	4.632.860.984	4.632.860.984

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

5.7 Hàng tồn kho

	31/03/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	772.759.284	-	311.717.478	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.884.862.558	-	33.735.708.498	-
- Hàng hóa	17.248.680.874	-	22.808.266.811	-
Cộng	64.906.302.716	-	56.855.692.787	-

5.8 Chi phí trả trước**a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	01/01/2021 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Phân bổ trong kỳ (VND)	31/03/2021 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	15.791.667	-	(15.791.667)	-
Cộng	15.791.667	-	(15.791.667)	-

b Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2021 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/03/2021 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	528.952.907	-	(170.733.195)	374.011.379
Cộng	528.952.907	-	(170.733.195)	374.011.379

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2021	57.990.063.546	10.769.760.996	1.942.491.582	723.092.911	71.425.409.035
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
31/03/2021	57.990.063.546	10.769.760.996	1.942.491.582	723.092.911	71.425.409.035
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	170.818.182	260.000.000	625.278.182	-	1.056.096.364
Giá trị hao mòn					
01/01/2021	6.945.455.766	1.933.308.163	1.268.945.882	193.353.939	10.341.063.751
Khấu hao trong kỳ	668.484.261	190.117.851	54.883.890	22.839.822	936.325.824
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
31/03/2021	7.613.940.027	2.123.426.014	1.323.829.772	216.193.761	11.277.389.574
Giá trị còn lại					
01/01/2021	51.044.607.780	8.836.452.833	673.545.700	529.738.972	61.084.345.284
31/03/2021	50.376.123.519	8.646.334.982	618.661.810	506.899.150	60.148.019.461

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Mua bất động sản đầu tư tại xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	78.592.942.000	42.293.782.000
- Xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất	2.736.985.364	2.736.985.364
Cộng	81.329.927.364	45.030.767.364

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác*Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Tên công ty	01/01/2021	Đầu tư mới trong năm	Phân chia lãi / (lỗ) từ các công ty liên kết trong năm	31/03/2021
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Gỗ Chí Thành	-	119.820.000.000	-	119.820.000.000
Tổng cộng	-	119.820.000.000	-	119.820.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết:

	31/03/2021			01/01/2021		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	42,59%	45,00%	119.820.000.000	0,00%	0,00%	-
Cộng			119.820.000.000			-

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Bateco Việt Nam	-	-	11.547.403.694	11.547.403.694
- Công ty TNHH Vật liệu điện Duy Tân	30.132.102	30.132.102	6.408.312.596	6.408.312.596
- Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây dựng Tiến Huy	2.110.227.605	2.110.227.605	2.410.227.605	2.410.227.605
- Công ty TNHH xây lắp cơ điện HTT	1.321.178.174	1.321.178.174		
- Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Gia Vinh	406.821.612	406.821.612	2.225.114.538	2.225.114.538
- Các nhà cung cấp khác	24.142.355.167	24.142.355.167	31.838.515.969	31.838.515.969
Cộng	32.027.592.446	32.027.592.446	58.446.452.188	58.446.452.188

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Công ty Cổ phần Vinhomes	8.041.322.400	9.531.319.915
- Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh	3.144.618.013	4.297.259.460
- Chi nhánh Nha Trang - Công ty Cổ phần Vinpearl	-	2.145.228.045
- Các khách hàng khác	3.795.741.838	3.351.240.587
Cộng	14.981.682.251	19.325.048.007

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	685.352.237	685.352.237	2.579.709.901	2.579.709.901
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	665.140.440	665.140.440	2.523.670.113	2.523.670.113
- Thuế thu nhập cá nhân	20.211.797	20.211.797	56.039.788	56.039.788
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	248.400.768	248.400.768	211.312.022	211.312.022
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	248.400.768	248.400.768	211.312.022	211.312.022
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	2.589.225	2.589.225	1.174.041.571	1.174.041.571
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	244.357.179	244.357.179
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	890.007.476	890.007.476
- Thuế thu nhập cá nhân	2.589.225	2.589.225	39.676.916	39.676.916
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	252.979.898	252.979.898	858.152.188	858.152.188
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	77.121.162	77.121.162
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.162.313	250.162.313	771.205.413	771.205.413
- Thuế thu nhập cá nhân	2.817.585	2.817.585	9.825.613	9.825.613
Cộng	1.207.854.054	1.207.854.054	4.823.215.682	4.823.215.682

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Chi phí lãi vay	-	36.166.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.666.667	80.000.000
Cộng	98.666.667	116.166.667

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- BH y tế, BHTN, BHXH	270.770.950	3.990.938
- Phải trả ngắn hạn khác	7.379.841.817	3.399.689
Cộng	7.650.612.767	7.390.627

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	33.028.930.848	33.028.930.848	65.691.495.680	65.691.495.680
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	32.397.977.342	32.397.977.342	51.144.852.535	51.144.852.535
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (vii)	630.953.506	630.953.506	7.546.643.145	7.546.643.145
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trí Việt (viii)	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	33.028.930.848	33.028.930.848	65.691.495.680	65.691.495.680

5.18 Dự phòng phải trả

	31/03/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	326.271.315	326.271.315
Cộng	326.271.315	326.271.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

5.19 Vốn chủ sở hữu**5.20 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
01/01/2020	200.000.000.000	-	(8.500.000.000)	92.026.950.332	11.248.399.980	294.775.350.311
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	22.402.864.088	1.332.416.856	23.735.280.944
Tái phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(4.390.693.200)	8.500.000.000	-	-	4.109.306.800
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	-	4.400.000.000	4.400.000.000
Chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/06/2020	19.499.950.000	-	-	(19.499.950.000)	-	-
Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/06/2020	-	-	-	(9.750.000.000)	-	(9.750.000.000)
31/12/2020	219.499.950.000	(4.390.693.200)	-	85.179.864.420	16.980.816.835	317.269.938.055
01/01/2021	219.499.950.000	(4.390.693.200)	-	85.179.864.420	16.980.816.835	317.269.938.055
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	3.850.541.188	100.378.553	3.950.919.741
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
31/03/2021	369.499.950.000	(4.390.693.200)	-	89.030.405.610	17.081.195.388	471.220.857.798

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	219.499.950.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	150.000.000.000	19.499.950.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	369.499.950.000	219.499.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	29.249.950.000
Bằng tiền mặt	-	9.750.000.000
Bằng cổ phiếu	-	19.499.950.000

Cổ phiếu

	31/03/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.949.995	21.949.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.949.995	21.949.995
- Cổ phiếu phổ thông	36.949.995	21.949.995
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.949.995	21.949.995
- Cổ phiếu phổ thông	36.949.995	21.949.995

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
Tổng doanh thu	70.956.344.602	80.985.860.627
- Doanh thu bán hàng hóa	992.813.566	5.550.851.935
- Doanh thu bán thành phẩm	4.041.873.503	9.934.524.924
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	65.921.657.533	65.500.483.768
Doanh thu thuần	70.956.344.602	80.985.860.627

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	842.339.943	5.231.042.438
- Giá vốn thành phẩm	2.931.922.472	8.425.585.314
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	51.986.012.366	53.520.903.685
Cộng	55.760.274.781	67.177.531.437

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2010 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	496.333.615	356.119.591
Cộng	496.333.615	356.119.591

6.4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2010 (VND)
- Chi phí lãi vay	1.081.379.554	-
Cộng	1.081.379.554	-

6.5. Chi phí bán hàng

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
- Chi phí bảo hành công trình	18.371.002	220.169.432
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.666.149.700	154.771.600
Cộng	1.684.520.702	374.941.032

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	5.357.458.862	4.275.305.652
- Chi phí đồ dùng quản lý	12.766.150	59.767.323
- Chi phí khấu hao TSCĐ	831.007.683	1.085.485.350
- Thuế, phí và lệ phí	149.126.056	105.558.489
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.898.988	383.751.277
- Chi phí bằng tiền khác	1.467.857.802	1.902.752.431
Cộng	7.887.115.541	7.812.620.522

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

6.7. Thu nhập khác

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
- Thu nhập khác	819.545	86.872.926
Cộng	819.545	86.872.926

6.8. Chi phí khác

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
- Chi phí khác	13.364.017	1.311.471
Cộng	13.364.017	1.311.471

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.075.923.426	1.373.676.463
Cộng	1.075.923.426	1.373.676.463

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	683.672.367	682.504.446
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH thiết bị vui chơi giải trí HVC Park)	250.162.313	337.113.749
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH tổng thầu cơ điện HVC)	-	250.027.813
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên)	142.088.746	104.030.455
Cộng	1.075.923.426	1.373.676.463

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
Chênh lệch tạm thời từ lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong năm	-	(805.933.634)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(161.186.727)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2021

6.11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý I năm 2021 (VND)	Quý I năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.850.541.188	4.619.512.337
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.850.541.188	4.619.512.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	22.525.337	19.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	171	237

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Ngà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Huy Cường